

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8-HUNG YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2025/HNGĐ-ST

Ngày 29-7-2025

“V/v ly hôn giữa ông T -bà Ú”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - HUNG YÊN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

-Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Đức

- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Gia Khải; Bà Tăng Thị Hiệu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khánh Vi - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8-Hung Yên

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8, tỉnh Hưng Yên tham gia phiên toà: Bà Vũ Quỳnh Lam - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8-Hung Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 85/2025/TLST–HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2025 về tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2025/QĐ-HPT ngày 04/7/2025, thông báo mở lại phiên tòa số 07/TB-TA ngày 08/7/2025, thông báo thay đổi thời gian mở lại phiên tòa số 10/TB-TA ngày 21/7/2025 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Ông Ngụ Quang T, sinh năm 1970.

-Bị đơn: Bà Ngô Thị Ú, sinh năm 1975.

Nơi c trú: Thôn Hiệp Lực, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

Nay là thôn H, xã A, tỉnh Hưng Yên

(Tại phiên tòa có mặt ông T, vắng mặt bà Ú)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện được bổ sung bằng biên bản ghi lời khai, tại phiên tòa nguyên đơn là ông Ngụ Quang T trình bày: Ông T và bà Ngô Thị Ú tự do, tự nguyện tìm hiểu kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình, nay là thôn H, xã A, tỉnh Hưng Yên vào năm 1993. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống tại gia đình ông T và lao động tự do. Quá trình chung sống do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Năm 2020

mâu thuẫn trầm trọng, bà Ú tự ý trở về gia đình bố mẹ đẻ ở cùng thôn sinh sống và sống ly thân cho đến nay. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, ông T đề nghị xin được ly hôn bà Ú.

Về con chung: Ông T khai vợ chồng có 03 con chung là Ngô Quang T1, sinh ngày 06/11/1995; Ngô Thị Ngọc Á, sinh ngày 25/12/2001 và Ngô Quang T2, sinh ngày 22/3/2013. Con T1 và con Á đã trưởng thành không đặt trách nhiệm nuôi dưỡng. Ông T đề nghị được nuôi dưỡng con Tất và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết phần tài sản chung.

Đối với bị đơn là bà Ngô Thị Ú: trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cần thiết cho bà Ú biết để đến Tòa án giải quyết vụ kiện, nhưng bà Ú vẫn vắng mặt không đến Tòa án giải quyết việc ly hôn, vì vậy Tòa án không ghi được lời khai của bà Ú và không tiến hành hòa giải được. Tại phiên tòa lần 1 và lần 2 bà Ú đều vắng mặt không có lý do.

Tòa án đã xác minh:

- Cụ Ngô Quang P, sinh năm 1931, là bố đẻ ông T; Ông Ngô Đăng Đ, sinh năm 1979 là em trai bà Ú và bà Nguyễn Thị P1 là công chức Tư pháp xã An Khê (nay là xã A) đều cung cấp hoàn cảnh điều kiện, thời gian kết hôn, thời gian chung sống và nguyên nhân mâu thuẫn giữa ông T và bà Ú. Hiện tại bà Ú đã trở về gia đình bố mẹ đẻ sinh sống, hai bên sống ly thân. Quan điểm của cụ P, ông Đ và bà P1 đều đề nghị Tòa án căn cứ vào thực trạng hôn nhân hòa giải để hai bên trở về đoàn tụ, nếu việc hòa giải không thành thì đề nghị Tòa án giải quyết yêu cầu ly hôn của ông T theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ tại phiên tòa phát biểu ý kiến: Hồ sơ vụ án từ giai đoạn thụ lý vụ án đến khi xét xử, Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án đã lập và thu thập các tài liệu và chứng cứ, tuân thủ cơ bản theo trình tự luật định. Tại phiên tòa việc xét xử vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ theo đúng trình tự pháp luật. Đối với nguyên đơn trong các giai đoạn tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên hòa giải và tại phiên tòa là chấp hành chưa đúng quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị về quan hệ hôn nhân: Xử cho ông T được ly hôn bà Ú; Về con chung: Đề nghị giao con chung Ngô Quang T2, sinh ngày 22/3/2013 cho ông T được trực tiếp nuôi dưỡng. Đối với con chung Ngô Quang T1 và Ngô Thị Ngọc Á đều đã trên 18 tuổi, có đủ năng lực hành vi dân sự, vì vậy không đặt ra giải quyết. Về tài sản chung: ông T không yêu cầu giải quyết tài sản chung nên không đặt ra giải quyết; ông T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên

tòa và căn cứ vào kết quả thẩm vấn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Bị đơn có nơi cư trú tại thôn H, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình, nay là thôn H, xã A, tỉnh Hưng Yên, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 8, tỉnh Hưng Yên theo quy định tại Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn đã được tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện việc thu thập chứng cứ, xác minh về tình trạng hôn nhân, con chung. Vì vậy, đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là đúng theo quy định tại Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung:* Hôn nhân giữa ông Ngụ Quang T và bà Ngô Thị Ú được xác lập trên cơ sở tự do, tự nguyện tìm hiểu kết hôn có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình, nay là thôn H, xã A, tỉnh Hưng Yên vào ngày 27/11/1993 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn ông T và bà Ú cùng chung sống với gia đình ông T tại xã A và lao động tự do. Theo như ông T trình bày và Tòa án xác minh thu thập chứng cứ cho thấy trong quá trình chung sống do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống đã dẫn đến phát sinh mâu thuẫn. Từ năm 2020 mâu thuẫn trầm trọng không thể chung sống, bà Ú đã trở về gia đình bố mẹ đẻ sinh sống, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, hai bên không hỏi han gì đến nhau. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, ông T làm đơn khởi kiện đề nghị xin được ly hôn. Còn đối với bà Ú, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập họp lệ để bà Ú biết và đến Tòa án tham gia hòa giải, vợ chồng có cơ hội gặp gỡ trở về đoàn tụ, nhưng bà Ú vắng mặt. Qua xác minh lời khai cụ Ngụ Quang P, là bố đẻ ông T; ông Ngụ Đăng Đ, là em trai bà Ú và bà Nguyễn Thị P1, là công chức Tư pháp xã A (nay là xã A) đều xác nhận hiện bà Ú đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại gia đình mẹ đẻ tại thôn H, xã A nhưng hiện tại bà Ú làm tự do không cố định địa chỉ, thỉnh thoảng có trở về nhà. Quan điểm của cụ P, ông Đ, bà P1 đều đề nghị Tòa án căn cứ vào thực trạng hôn nhân để hòa giải các bên trở về đoàn tụ, nếu việc hòa giải không thành thì đề nghị Tòa án giải quyết yêu cầu ly hôn của ông T theo quy định của pháp luật. Đối với ông T tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn. Điều đó chứng tỏ cuộc sống tình cảm vợ chồng giữa ông T và bà Ú đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài, cần căn cứ vào Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho ông T được ly hôn bà Ú là có căn cứ.

[3] *Về con chung:* ông T và bà Ú có 03 con chung là Ngụ Quang T1, sinh ngày 06/11/1995 và Ngụ Thị Ngọc Á, sinh ngày 25/12/2001 và Ngụ Quang T2, sinh ngày 22/3/2013. Đối với cháu T1 và cháu Á đã trên 18 tuổi và có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, vì vậy không đặt ra giải quyết nuôi dưỡng. Ông T đề nghị được nuôi dưỡng cháu T2 và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Qua xác minh cho thấy cháu T2 được ông T nuôi dưỡng chu đáo, bản thân cháu T2 có ý kiến xin được ở với bố, thân

nhân ông T và cơ sở địa phương có ý kiến đề nghị giao cho ông T nuôi dưỡng thì sẽ đảm bảo đời sống con chung. Vì vậy cần xử giao cháu T2 cho ông T được trực tiếp nuôi dưỡng và ông T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp với Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung: ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy phần tài sản Tòa án không xét.

[5] Về án phí: ông T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: ông T và bà Ú có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTV QH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ông Ngô Quang T được ly hôn bà Ngô Thị Út .

2. Về con chung: Xử giao con chung Ngô Quang T2, sinh ngày 22/3/2013 cho ông T được trực tiếp nuôi dưỡng. Ông T không yêu cầu bà Ú cấp dưỡng nuôi con chung. Bà Ú có quyền thăm nom con chung.

Con chung Ngô Quang T1, sinh ngày 06/11/1995 và Ngô Thị Ngọc Á, sinh ngày 25/12/2001 đã trên 18 tuổi và có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, vì vậy không đặt ra giải quyết nuôi dưỡng.

3. Về tài sản chung: ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: ông T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng ông T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0000725 ngày 07/5/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 8, tỉnh Hưng Yên) thành tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: ông T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án. Bà Ú có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- TAND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND khu vực 8, tỉnh Hưng Yên;
- Phòng THADS khu vực 8, tỉnh Hưng Yên;
- UBND xã A Sào, tỉnh Hưng Yên;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

NGUYỄN MINH ĐỨC